

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và ông Trương Quang Lương

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 147/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Văn X, sinh năm 1982.

Số CCCD: 044082011000

Nơi cư trú: Thôn Nam Đ, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị. Anh X có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1982.

Số CCCD: 044182010614

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Nam Đ, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ cư trú hiện nay: 909 S Roanne St Anaheim, CA 92804, California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Hồ Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T qua quá trình tìm hiểu và đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức T, huyện Bồ T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đông T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 02/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc tại Thôn Nam Đ, xã Đức T, huyện Bồ T, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2021, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bàn bạc với nhau để vợ là Lê Thị T làm thủ tục sang Hoa Kỳ làm ăn. Khi sang Hoa Kỳ làm ăn do mỗi người ở mỗi nơi khác nhau, nên vợ chồng sống cách xa nhau từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, môi trường sống thay đổi, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhưng không thể hàn gắn được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Anh X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T để ổn định cuộc sống, công việc.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồ Thị Thu H, sinh ngày 26/3/2004 và cháu Hồ Đăng Tùng D, sinh ngày 03/10/2005. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn chị Lê Thị T:* Qua xác minh từ Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị, Tòa án xác định chị Lê Thị T hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 25/7/2022 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đồng thời, thông qua con đường nhân thân, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị nhận được bản tự khai và đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử sớm, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị T đề ngày 01/11/2025 gửi từ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về: Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hồ Văn X qua quá trình tìm hiểu và đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức T, huyện Bồ T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đông T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 02/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc tại thôn Nam Đ, xã Đức T, huyện Bồ T, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2021, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng bàn bạc với nhau để chị T làm thủ tục sang Hoa Kỳ làm ăn. Khi sang Hoa Kỳ làm ăn mỗi người ở mỗi nơi khác nhau, nên vợ chồng sống xa cách nhau từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, môi trường sống thay đổi, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhưng không thể hàn gắn được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Chị T đồng ý với ý kiến của anh X, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đồng ý về việc ly hôn. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hồ Thị Thu H, sinh ngày 26/3/2004 và cháu Hồ Đăng Tùng D, sinh ngày 03/10/2005. Hiện hai cháu đã

trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại do điều kiện ở xa nên chị xin được giải quyết vắng mặt và đề nghị đưa vụ án ra xét xử sớm.

Theo đề nghị Giám định chữ ký tại bản tự khai của anh Hồ Văn X, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 09/2025/QĐ-TCGD ngày 05/12/2025 về việc trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của chị T tại bản tự khai, đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử sớm, đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại kết luận giám định số 1844/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “T”, chữ viết “Lê Thị T” dưới mục “Người làm đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2; dưới mục “Người khai” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết “Lê Thị T” dưới mục “Vợ (Ký và ghi rõ họ tên)” trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 228, 464, 469, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn X, xử cho anh Hồ Văn X được ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Nam Đ, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài theo luật định.

Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Hồ Văn X và chị Lê Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi chị T sang nước ngoài làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa anh X và chị T không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh X xử cho anh Hồ Văn X được ly hôn chị Lê Thị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh X và chị T cùng thừa nhận có hai con chung là cháu Hồ Thị Thu H, sinh ngày 26/3/2004 và cháu Hồ Đăng Tùng D, sinh ngày 03/10/2005. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: anh X và chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc anh Hồ Văn X chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[4] Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí đăng VOV và chi phí giám định tổng cộng 8.100.000 đồng, trong đó lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: 1.000.000 đồng, chi phí đăng VOV: 2.250.000 đồng và chi phí giám định: 4.850.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hồ Văn X tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 8.100.000 đồng này (anh Hồ Văn X đã nộp đủ).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; Điều 228, Điều 238, các Điều 464, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hồ Văn X được ly hôn chị Lê Thị T.
 2. Về con chung: Hiện 02 con chung là cháu Hồ Thị Thu H, sinh ngày 26/3/2004 và cháu Hồ Đăng Tùng D, sinh ngày 03/10/2005 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.
 3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
 4. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Anh Hồ Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000947 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.
- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hồ Văn X tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 8.100.000 đồng lệ phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam và chi phí giám định (anh Hồ Văn X đã nộp đủ).
5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, anh Hồ Văn X có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 1 tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Đông T;
- Các đương sự;
- Lưu Vp; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa